

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 12-01-2018

V/v ly hôn, nuôi con, chia tài sản
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga.

Ông Vũ Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 418/2017/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1096/2017/QĐXX- ST ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Kim V, sinh năm 1986; đăng ký thường trú tại và hiện ở tại: Số H đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc A, sinh năm 1984; đăng ký thường trú tại: Số X đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện đang thi hành án tại Đội M, Phân trại số Y Trại giam X; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim V trình bày:

Chị Đinh Thị Kim V và anh Phạm Ngọc A lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng năm 2008. Đến nay vợ chồng có 02 con chung là Phạm Nam Anh, sinh ngày 05/01/2009 và Phạm Ngọc Bảo Phương, sinh ngày 18/7/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh A chơi bời, sống không có trách nhiệm với gia đình và vi phạm pháp luật. Chính vì những nguyên nhân như vậy, nên vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không giảm. Năm 2013 anh A vi phạm pháp luật và bị Tòa án kết án 12 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Từ năm 2013 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau về mọi mặt. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân 04 năm nay không còn khả năng đoàn tụ, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Nam A, sinh ngày 05/01/2009 và Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 18/7/2012. Ly hôn, chị V xin nhận nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2017 anh Phạm Ngọc A trình bày:

Anh thừa nhận lời khai của chị V về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2012. Năm 2013 anh vi phạm pháp luật và bị Tòa án kết án 12 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V có đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Vì lý do anh A hiện đang chấp hành án tại Đội 2, Phân trại số 2 Trại giam Xuân Nguyên, Hải Phòng nên anh A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Nam A, sinh ngày 05/01/2009 và Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 18/7/2012. Ly hôn, anh A đồng ý giao hai con chung cho chị V nuôi dưỡng đến khi thành niên và chị V không yêu cầu anh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý và không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc A vì mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi đã 04 năm nay, không còn khả năng đoàn tụ. Về con chung: Chị V xin nhận nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Nam A, sinh ngày 05/01/2009 và Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 18/7/2012 đến khi thành niên và không yêu cầu anh A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự quy định của BLTTDS. Đối với các

đương sự: phía nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng BLTTDS, phía bị đơn không chấp hành đúng với các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xử cho chị V được ly hôn với anh A và giao hai con chung cho chị V nuôi dưỡng đến khi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim V và anh Phạm Ngọc A lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng năm 2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là anh A chơi bời, sống không có trách nhiệm với gia đình và vi phạm pháp luật. Chị V và anh A đã sống ly thân hơn 04 năm nay, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau về mọi mặt nữa.

Xét cuộc sống chung của chị V và anh A không thể tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần giải quyết cho chị V được ly hôn với anh A là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh A.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Nam A, sinh ngày 05/01/2009 và Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 18/7/2012. Ly hôn, chị V xin nhận nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên. Xét cháu Nam Anh và cháu Phương đều còn nhỏ rất cần sự trông nom chăm sóc trực tiếp thường xuyên của người mẹ. Do vậy, HĐXX quyết định giao cháu Nam A và cháu P cho chị V nuôi dưỡng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị V không yêu cầu anh A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Toà giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim V được ly hôn với anh Phạm Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con là Phạm Nam A, sinh ngày 05/01/2009 và Phạm Ngọc Bảo P, sinh ngày 18/7/2012 cho chị V nuôi dưỡng đến khi cháu Phạm Nam A và cháu Phạm Ngọc Bảo P đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị V không yêu cầu anh A đóng góp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Kim V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Đinh Thị Kim V đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng theo biên lai số 0002039 ngày 13/10/2017.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Đinh Thị Kim V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Phạm Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài

